

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+SAVR	7:25	19+1	0+0		12+8	0+0	
2		TD3+BK10	7:25	21+1	0+0		20+1	0+0	
3		TTc1+TD5+TD3	9:25	0+13+8	0+0+0		0+6+12	0+0+0	chuyen 1 ttcl-td5chuyen 1td5-td3
4		SAVR+BK16+BK14	9:25	17+0+1	0+0+0		15+0+2	0+0+0	chuyen 2 bk16-bk14
5		P2+P8	11:40	8+14	0+0		2+18	0+0	
6		PBDA+CTK3+P8	11:40	8+7+4	0+0+0		4+0+10	0+0+0	
7		P5+RP1+RC4	13:40	18+4+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
8		P2+BK9+P6	13:40	21+0+0	0+0+0		13+1+1	0+0+0	chuyen 7 bk9-p6

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người SAVR đi PBDA



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD5 - SAVR	CREW: HUNG - VTHANG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/3530		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ MẠNH THẮNG	TD5	52	1	3	5	80	78	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG HÁCH	TD5	41	1	10			71	KHOAN	Vietnamese
3	MAMAEV M. R.	TD5	44	1	4			102	KHOAN	Russian
4	ĐINH VĂN SỰ	TD5						84	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TẤN TÀI	TD5	53	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÀNH	TD5	37-38	2	10			71	KHOAN	Vietnamese
7	VƯƠNG ĐỨC ANH	TD5	42	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ LONG PHI	TD5	45	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	59	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG THÁI	TD5	40	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TUẤN ANH	TD5						86	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC TRỌNG	TD5	39	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HỮU LƯƠNG	TD5	43	1	14			73	DVL	Vietnamese
14	MỸ DUY TÙNG	TD5	51	1	12			69	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD5	47-48	2	20			72	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ LINH	TD5	49	1	10			78	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN VINH	TD5	46	1	16			94	DVL	Vietnamese
18	USATENKO	TD5	50	1	13			100	DVL	Rus
19	MILYUKOV ALEXANDER	SAVR	48	1	12	2	25	79	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	18	1.387	18	162	5	80	12		
2	SAVR	1	79	1	12	2	25	8		
TOTAL		19	1.466	19	174	7	105	20		
WEIGHT KG			1.466		174		105			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚ HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3 - BK10	CREW: LINH - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/3534	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	44	1	6	4	65	57	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3						92	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	63	1	7			52	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH THOẠI	TD3	57	1	9			92	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG THÀNH	TD3	52	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	56	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ QUANG HIẾU	TD3	43	1	3			116	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	60	1	9			92	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	62	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC NGỌC	TD3	46	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
11	MAI HẢI LONG	TD3	54	1	8			70	D-HANH	Vietnamese
12	TRẦN VĂN GIANG	TD3	61	1	5			74	DVL	Vietnamese
13	LÃ VĂN NAM	TD3	58-59	2	15			78	DVL	Vietnamese
14	LÊ THANH CHÂU	TD3	47	1	6			72	PSV	Vietnamese
15	HUỲNH VĂN THẮNG	TD3	48	1	8			73	LONG VŨ	Vietnamese
16	HUỲNH THANH TOÀN	TD3	50	1	6			81	LONG VŨ	Vietnamese
17	CAO Y THUẬN	TD3	45	1	13			75	LONG VŨ	Vietnamese
18	CAO TẤN LỰC	TD3	51	1	8			58	LONG VŨ	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤN ĐẠT	TD3	55	1	11			89	LONG VŨ	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	53	1	8			74	LONG VŨ	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH LUÂN	TD3	49	1	10			55	LONG VŨ	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	66	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.580	21	169	4	65	20		
2	BK10	1	70	1	4	0	0	1		
TOTAL		22	1.650	22	173	4	65	21		
WEIGHT KG			1.650		173		65			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO: TTC1 - TD5 - TD3	CREW: HUNG - VTHANG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/3531		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN KIÊN	TD5	74	1	17			78	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ	TD5	72-73	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
3	KIỀU HẢI DƯƠNG	TD5	79-80	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN TRUNG	TD5	62-63	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN QUYỀN	TD5	71	1	16			62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH TÚ	TD5	60-61	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	TD5	75-76	2	20			81	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ VĂN LINH	TD5	66-67	2	12			58	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN SƠN	TD5	69-70	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CHINH	TD5	68	1	18			72	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ CÔNG THỜI	TD5	77-78	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
12	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	TD5	64	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CÔNG	TD5	65	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
14	BÙI VĂN TÌNH	TD3	78-79	2	17			79	LONG VŨ	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC TUẤN	TD3	80-81	2	14			75	LONG VŨ	Vietnamese
16	LÊ THẾ ĐẠI	TD3	68	1	12			69	DUY LINH	Vietnamese
17	LƯU VĂN BÌNH	TD3	76-77	2	20			81	DUY LINH	Vietnamese
18	VŨ NGỌC TUẤN	TD3	70-71	2	15			63	DUY LINH	Vietnamese
19	MAI VĂN VIỆT	TD3	74-75	2	17			56	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH ĐÀO	TD3	72-73	2	14			75	DUY LINH	Vietnamese
21	TRẦN DUY PHƯƠNG	TD3	69	1	11			78	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	0	0	0	0	0	0	0	+	CHUYEN I PAX TTC1-TD5
2	TD5	13	879	21	221	0	0	6	+	CHUYEN I PAX TD5-TD3
3	TD3	8	576	14	120	0	0	12		
TOTAL		21	1.455	35	341	0	0	18		
WEIGHT KG			1.455		341		0			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TRĂNG-2	TO: SAVR - BK16 - BK14	CREW: LINH - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/3535		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TARATONOV IURII	SAVR	52-53	2	16			84	AMHTP	Russian
2	BARSKII NAZAR	SAVR	56	1	12			70	AMHTP	Russian
3	SULTANOV TIMUR	SAVR	60-61	2	10			88	AMHTP	Russian
4	ALMAEV RAMIL	SAVR	54	1	12			92	AMHTP	Russian
5	KOMISARENKO ALEKSANDR	SAVR	57	1	14			114	AMHTP	Russian
6	POMAZANSKII IVAN	SAVR	71-72	2	19			73	AMHTP	Russian
7	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	65	1	12			64	AMHTP	Russian
8	MOZHEGOROV PETR	SAVR	66-67	2	12			60	AMHTP	Russian
9	GUZ MAKSIM	SAVR	58-59	2	12			80	AMHTP	Russian
10	DOROKHOV DMITRII	SAVR	55	1	7			80	AMHTP	Russian
11	NAGORNOV ILIA	SAVR	74	1	9			104	AMHTP	Russian
12	SVINAREV VIACHESLAV	SAVR	62	1	12			105	AMHTP	Russian
13	LOSEV ALEKSEI	SAVR	73	1	8			89	AMHTP	Russian
14	SUKHIN VIACHESLAV	SAVR	63-64	2	12			80	AMHTP	Russian
15	CHIM VĂN LAM	SAVR	75	1	6			60	AMHTP	Vietnamese
16	TRẦN NHẬT MINH	SAVR	69-70	2	15			80	AMHTP	Vietnamese
17	PHẠM THANH HÀ	SAVR	68	1	9			67	AMHTP	Vietnamese
18	PHẠM BÁ KHÁNH	BK14	15	1	10			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.390	24	197	0	0	15		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	0 + 2		CHUYEN 2 PAX BK16-BK14
3	BK14	1	78	1	10	0	0	2		
TOTAL		18	1.468	25	207	0	0	17		
WEIGHT KG			1.468		207		0			

GRAND TOTAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P2 - P8	CREW: TTRUNG - NAM - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3532	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI MẠNH HÀ	P2	38	1	10	1	12	91	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN SỸ	P2	45	1	15	1	3	75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH HÙNG	P2	40	1	10	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH NGỌC	P2	43	1	10	1	17	83	XAYLAP	Vietnamese
5	VÕ HOÀNG LÂM	P2	49	1	16	2	42	62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P2	42	1	17			84	XAYLAP	Vietnamese
7	CHU TIẾN DŨNG	P2	46-48	3	16			93	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	P8	72	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH TINH	P8	70	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHUNG	P8	74-75	2	10			64	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC DỤC	P8	78	1	8			56	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ THANH NGỌC	P8	73	1	10			48	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG NHẬT QUANG	P8	76	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM TỬ ANH	P8	69	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P8	77	1	5			87	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TÁT THÀNH	P8	71	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN BÌNH	P8	81	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC THÀNH	P8	82	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P8	79	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
20	HUỲNH TRUNG NGHĨA	P8	80	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT MINH	P8	83	1	3	2	35	67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	7	556	9	94	6	89	4		
2	P8	14	933	15	93	2	35	18		
TOTAL		21	1.489	24	187	8	124	22		
WEIGHT KG			1.489		187		124			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
TRẦN HỒNG NAM



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: PBDA - CTK3 - P8	CREW: KHOAN - NPHU - THU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/3536		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HẢI HUNG	PBDA	18-19	2	10			85	MINH MINH	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH KHA	PBDA	31	1	8			66	MINH MINH	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG ANH DŨNG	PBDA	32-33	2	18			70	PVD LOGGING	Vietnamese
4	AGEEV DENIS	PBDA	26	1	15			108	AMHGP	Russian
5	TELEGIN ANDREI	PBDA	24	1	13			83	AMHGP	Russian
6	URAZAEV VITALII	PBDA	23	1	12			99	AMHGP	Russian
7	ISKORNEV VIKTOR	PBDA	25	1	5	2	23	130	AMHGP	Russian
8	PHẦN VĂN HIẾU	PBDA	29-30	2	14	3	56	61	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG DUY KHÁNH	CTK3	57-58	2	12	3	28	55	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
10	TRẦN DUY THẾ	CTK3	66-67	2	10			66	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
11	VU VAN CHUNG	CTK3	59-60	2	7			66	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU MINH	CTK3	63-64	2	13			60	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	CTK3	62	1	10			57	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
14	LÊ CẢNH LÂM	CTK3	61	1	13			56	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TẤN NGHĨA	CTK3	65	1	6			70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN THÀNH CÔNG	P8						74	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN VIỆT	P8	62	1	5			82	PSV	Vietnamese
18	TRUONG THE NAM	P8	61	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	8	702	11	95	5	79	5		
2	CTK3	7	430	11	71	3	28	0		
3	P8	3	221	2	9	0	0	9		
TOTAL		18	1.353	24	175	8	107	14		
WEIGHT KG			1.353		175		107			

GRAND TOTAL: 1.635 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
B.CARD: VANG-4	TO: P5 - RP1 - RC4	CREW: TTRUNG - NAM - HUY	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/3533		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN CUỒNG	P5	98-99	2	13			60	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	P5	97	1	7			68	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HÙNG	P5	51	1	15			86	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
4	TRẦN VŨ CA	P5	80-81	2	12			70	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TUNG BACH	P5	53	1	9			65	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐẶNG	P5	92-93	2	16			66	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN CẢNH TOÀN	P5	96	1	15			71	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGHĨA	P5	94-95	2	13			59	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐÀN	P5	52	1	9			60	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
10	CHU VĂN ĐÀN	P5	54	1	11			69	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HẢO	P5	49	1	7			58	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG CHIẾN	P5	84-85	2	15			65	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN TUẤN	P5	88	1	9	1	16	61	XAYLAP	Vietnamese
14	HÀ VĂN TRƯỜNG	P5	83	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN VIỆT	P5	82	1	11			54	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG VŨ	P5	86-87	2	19			50	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P5	90	1	15	1	11	92	XAYLAP	Vietnamese
18	BÙI VĂN QUÂN	P5	50	1	3			57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH HUNG	RP1	29	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG DŨNG	RP1	30	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY KHÁNH	RP1	28	1	6			90	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÒA	RP1	31-32	2	19	2	40	85	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	18	1.168	24	209	2	27	0		
2	RP1	4	313	5	40	2	40	19		
3	RC4	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.481	29	249	4	67	22		
WEIGHT KG			1.481		249		67			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: TRANG-4	TO: P2 - BK9 - P6	CREW: XHOÀN - NPHÚ - THỤ	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 9	VNHS FLIGHT: TM26/3537		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAI XUÂN ĐƯỢC	P2	83	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG TRUNG	P2	76-77	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN HÙNG	P2	86-87	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
4	LAI HUY CƯỜNG	P2	81-82	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ QUANG TRƯỜNG	P2	88	1	10	1	13	74	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ XUÂN HỐI	P2	21	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN HUY CƯỜNG	P2	75,91	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ NGỌC ANH	P2	69-70	2	16			96	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH KỶ	P2	73-74	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ DOãn HẢI	P2	84	1	6	1	19	58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	P2	71-72	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
12	TẠ HỒNG QUÂN	P2	67	1	12	1	15	50	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN KIÊN	P2	53-54	2	8			89	DUY LINH	Vietnamese
14	TRẦN PHI HÙNG	P2	56	1	14			77	DUY LINH	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUẬT	P2	55	1	7			94	DUY LINH	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THÔNG	P2	80	1	6			66	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	P2	78-79	2	11			55	QUYẾT THẮNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	17	1.196	26	234	3	47	11		
2	BK9	0	0	0	0	0	0	1+	7	CHUYEN 7 PAX BK9-P6
3	P6	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		17	1.196	26	234	3	47	13		
WEIGHT KG			1.196		234		47			

GRAND TOAL: 1.477 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ

